

Số: /GPMT-STNMT

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1616/QĐ-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn về bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 31/2022/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Xét hồ sơ kèm theo văn bản số 1208/CV-VSPT đề ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Dầu khí Vietsovpetro về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường Khu du lịch Hồng Phúc tại xã Phước Thuận, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Dầu khí Vietsovpetro địa chỉ tại số 105 Lê Lợi, phường Thắng Nhì, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Khu du lịch Hồng Phúc tại xã Phước Thuận, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Khu du lịch Hồng Phúc.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Phước Thuận, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số 3500827756 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 16/11/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 31/7/2023; Giấy chứng nhận đầu tư số 49121000429 do UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 05/12/2013, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 19/5/2014.

1.4. Mã số thuế: 3500827756.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khu du lịch.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Tổng diện tích của dự án đầu tư: 119.612,6 m².

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: Quy mô phục vụ khoảng 1.290 khách (*Chi tiết theo Quyết định số 786/QĐ-UBND ngày 20/4/2015 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu du lịch Hồng Phúc tại xã Phước Thuận, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu*).

(Các thông tin về dự án đầu tư nêu trên căn cứ theo nội dung mô tả trong báo cáo đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án; Chủ dự án chịu trách nhiệm về những thông tin, số liệu đã nêu trong báo cáo; thực hiện tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan.)

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Dầu khí Vietsovpetro :

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Dầu khí Vietsovpetro có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm.**

(từ ngày ... tháng ... năm 2024 đến ngày tháng ... năm 2034).

(Giấy phép môi trường là căn cứ để thực hiện hoạt động quy định tại khoản 4 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường).

Điều 4. Giao Phòng Quản lý môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Xuyên Mộc tham mưu tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Cty CP Du lịch DVĐK Vietsovpetro;
- Bộ TNMT (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- GD và các PGĐ Sở TNMT (b/c);
- Các Sở: KHĐT, XD, DL;
- Công an tỉnh;
- UBND huyện Xuyên Mộc;
- Phòng TNMT huyện Xuyên Mộc;
- Trung tâm phục vụ hành chính công;
- Trung tâm CNTT TN&MT
(*đăng trên cổng thông tin điện tử của Sở*);
- Lưu: VT, QLMT (Mai).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Quốc Đăng

PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày tháng năm 2024
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của nhân viên và khách du lịch.

- Nguồn số 02: Nước thải từ nhà hàng.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: hệ thống thoát nước trên đường ven biển.

2.2. Vị trí xả nước thải: ấp Hồ Tràm, xã Phước Thuận, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Dòng nước thải: nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý sơ bộ bằng hệ thống 13 bể tự hoại; nước thải từ nhà hàng được xử lý sơ bộ bằng 01 bể tách dầu mỡ, sau đó được dẫn về hệ thống xử lý nước thải (HTXLNT) tập trung công suất 160m³/ngày đêm. Nước sau xử lý đạt quy chuẩn quy định sẽ được thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực trên đường ven biển bằng 01 điểm đầu nối.

+ Tọa độ xả thải tại hố ga (ngoài khu vực dự án) trên đường ven biển như sau: X = 1157893 ; Y = 458727.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 160m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Bơm cưỡng bức.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Gián đoạn.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt (cột A, K=1,0), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1.	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng theo quy định	Không thuộc đối tượng theo quy định
2.	BOD ₅ (20 °C)	mg/l	30		
3.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50		
4.	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500		
5.	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1,0		

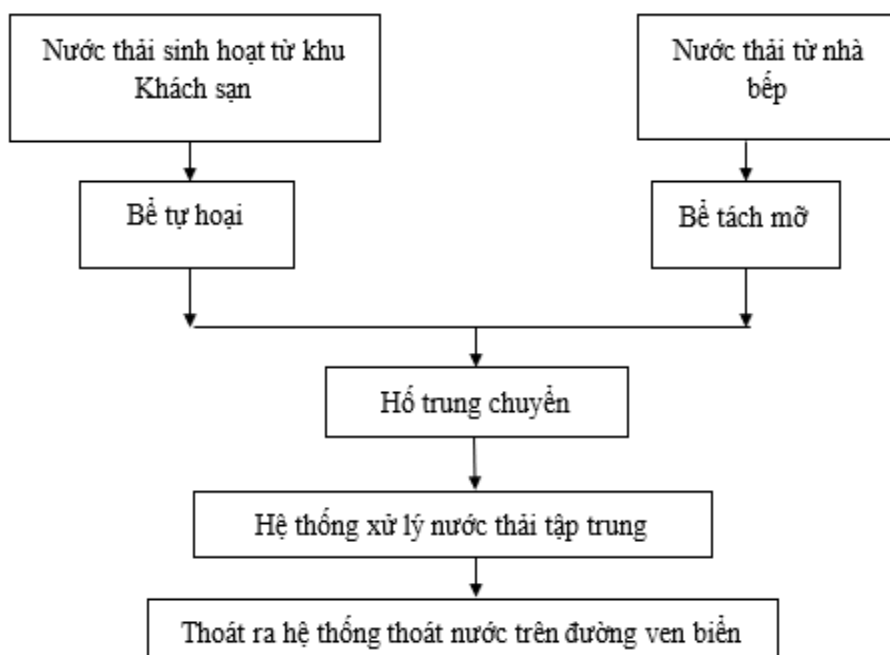
TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
6.	Amoni (tính theo N)	mg/l	5		
7.	Nitrat (NO_3^-) (tính theo N)	mg/l	30		
8.	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10		
9.	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5		
10.	Phosphat (PO_4^{3-}) (tính theo P)	mg/l	6		
11.	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Mạng lưới thu gom nước thải và nước mưa được tách biệt với nhau.
- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của nhân viên và khách du lịch được xử lý sơ bộ bằng hệ thống 13 bể tự hoại.
- Nguồn số 02: Nước thải từ nhà hàng được xử lý sơ bộ bằng 01 bể tách dầu mỡ.
- Toàn bộ nước thải sau xử lý sơ bộ được dẫn về HTXLNT tập trung công suất $160\text{m}^3/\text{ngày đêm}$. Nước sau xử lý đạt quy chuẩn quy định sẽ được thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực trên đường ven biển bằng 01 điểm đầu nối.



1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải của Khu du lịch Hồng Phúc

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → hồ trung chuyển → bể điều hòa → bể Anoxic → bể Aerotank → bể lắng sinh học → bể khử trùng → bồn lọc áp lực → Bể chứa nước sau xử lý/bể sự cố → hệ thống thoát nước trên đường ven biển.

- Chế độ vận hành: liên tục.
- Công suất thiết kế: 160 m³/ngày đêm.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorine.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

1.4.1. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Vận hành HTXLNT theo đúng thiết kế và hướng dẫn vận hành từ nhà cung cấp.
- Tuyển nhân viên vận hành có kinh nghiệm.
- Trang bị thiết bị dự phòng cần thiết (bơm, máy thổi khí...) để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ; bảo đảm vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải và ghi chép vào sổ giám sát hàng ngày. Thường xuyên kiểm tra, theo dõi chất lượng nước thải đầu ra để kịp thời khắc phục sự cố. Việc đánh giá hiệu quả của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt chủ yếu dựa trên phương pháp sau:

+ Dùng các chỉ tiêu đánh giá nhanh kết hợp với các yếu tố như độ pH, màu và mùi của nước thải, đồng thời kiểm tra hoạt động của từng bể để đánh giá.

+ Phối hợp với đơn vị có chức năng lấy mẫu định kỳ và ngẫu nhiên khi có khả năng xảy ra sự cố đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đảm bảo môi trường trước khi thoát ra môi trường.

1.4.2. Quy trình phòng ngừa, ứng phó sự cố

Khi phát hiện nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường, nhân viên vận hành sẽ lập tức khóa van đường dẫn nước thải từ bồn lọc áp lực và đồng thời tắt bơm nước thải từ bể khử trùng lên bồn lọc áp lực. Đồng thời, thông báo cho bộ phận quản lý biết để điều tra nguyên nhân và khắc phục sự cố, bao gồm các hoạt động:

- Thực hiện kiểm tra nguồn điện. Khi phát hiện sự cố do mất điện: sẽ khởi động máy phát điện dự phòng để vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Thực hiện kiểm tra các máy móc, thiết bị thông qua tín hiệu báo của tủ điều khiển hoặc qua kiểm tra trực tiếp. Khi phát hiện sự cố là do hư hỏng các máy móc, thiết bị sẽ cho hoạt động các máy móc, thiết bị dự phòng (bơm, máy thổi khí); một số máy móc, thiết bị không có sẵn, sẽ nhanh chóng mua và thay thế trong thời gian sớm nhất.

- Phối hợp với đơn vị có chức năng thực hiện kiểm tra chất lượng nước thải đầu vào thông qua kết quả phân tích mẫu nước thải đầu vào và bằng các bộ test nhanh để phát hiện

các chỉ tiêu ô nhiễm cao bất thường. Khi phát hiện sự cố do nước thải đầu vào có nồng độ các chất ô nhiễm cao, đơn vị vận hành hệ thống XLNT sẽ:

+ Dựa trên kết quả phân tích để điều chỉnh chế độ vận hành, thời gian lưu nước và liều lượng hóa chất phù hợp với chất lượng nước thải đầu vào.

+ Kiểm tra nước thải đầu vào tại bể thu gom có nước ô nhiễm bất thường nhằm kiểm soát hoạt động xả thải.

+ Kiểm tra hoạt động của hệ vi sinh trong các bể xử lý sinh học.

+ Lấy mẫu nước thải sau từng công đoạn xử lý của hệ thống xử lý nước thải để kiểm tra hiệu quả xử lý của từng công đoạn và chất lượng nước thải sau xử lý cho tới khi khắc phục xong sự cố.

- Trong thời gian khắc phục sự cố nước thải sẽ được lưu chứa tại các bể của HTXLNT và bể chứa nước sau xử lý thể tích 315m³. Sau khi khắc phục xong nước thải sẽ bơm lại bể điều hòa để xử lý đạt quy chuẩn hiện hành.

- Khi có sự cố nước thải sẽ được lưu chứa tại bể điều hòa, bể chứa nước sau xử lý và khi khắc phục xong sự cố sẽ thực hiện tái tuần hoàn xử lý nước thải đảm bảo xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả ra ngoài môi trường. Thực hiện mở van xả nước thải sau xử lý từ bồn lọc áp lực ra hệ thống thoát nước thải sau xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ).

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng tính từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: HTXLNT tập trung công suất 160m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

Giai đoạn vận hành ổn định	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu	Số lượng mẫu	Chỉ tiêu quan trắc
HTXL nước thải công suất 160m ³ /ngày đêm	Đầu vào: bể điều hòa Tọa độ X = 1157856; Y = 458709.	Mẫu đơn	1	<i>Lưu lượng</i> ; pH; BOD ₅ (20 ⁰ C); Tổng chất rắn lơ lửng (TSS); Tổng chất rắn hòa tan; Sunfua (tính theo H ₂ S); Amoni (tính theo N); Nitrat (tính theo N); Dầu mỡ động, thực vật; Tổng các chất hoạt động bề mặt; Phosphat (tính theo P); Tổng Coliforms.
	Đầu ra: hồ ga quan trắc Tọa độ X = 1157878 ; Y = 458719	Mẫu đơn	3	

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1.	pH	-	5 - 9
2.	BOD ₅ (20 °C)	mg/l	30
3.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50
4.	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500
5.	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1,0
6.	Amoni (tính theo N)	mg/l	5
7.	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	30
8.	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10
9.	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5
10.	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	6
11.	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	3.000

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể: Quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Bảo đảm bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện thu gom và xử lý nước thải đạt quy chuẩn cho phép trước khi xả thải ra môi trường.

3.5. Niêm yết quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải và ký hiệu rõ các bể, công đoạn thuộc quy trình xử lý nước thải để dễ nhận biết khi kiểm tra giám sát.

3.6. Tự chịu trách nhiệm đối với nội dung kế hoạch vận hành thử nghiệm và toàn bộ quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và thực hiện các trách nhiệm khác quy định tại Khoản 7, Khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

PHỤ LỤC 2

CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày tháng năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên theo dõi, bảo trì, kiểm tra độ mòn chi tiết, định kỳ tra dầu bôi trơn, thay các chi tiết hư hỏng, kiểm tra sự cân bằng của máy móc khi lắp đặt.
- Lắp đặt các đệm chống ồn, rung bằng cao su cho các máy móc, thiết bị.
- Miệng cấp và hút gió được bố trí ở những vị trí thích hợp để không gây ảnh hưởng đến các khu vực lân cận. Các ống dẫn từ phòng đặt máy đến các miệng cấp và hút gió được gắn các vật liệu tiêu âm và thiết kế chống rung.
- Máy phát điện được đặt trong phòng kín, bao bọc bằng tường kiên cố và vật liệu cách âm.
- Các máy móc thiết bị phát sinh ồn của hệ thống xử lý nước thải máy thổi khí,... được tập trung và đặt trong nhà điều hành của trạm xử lý và cách âm với khu vực xung quanh, gắn đệm chống rung. Hệ thống máy lạnh trung tâm phục vụ cho các công trình công cộng: Sử dụng các loại thiết bị gây ít ồn; lắp đệm chống ồn.
- Trồng nhiều cây xanh quanh dự án và khu vực phát sinh tiếng ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được kiểm soát, giảm thiểu bảo đảm các yêu cầu về tiếng ồn, độ rung tại các quy định liên quan (nếu có).
- Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

PHỤ LỤC 3**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày tháng năm 2024
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên**

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng trung bình (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	120
2	Hộp chứa mực in thải	08 02 04	50
3	Pin, ắc quy thải	16 01 12	30
4	Các thiết bị, linh kiện điện tử hoặc thiết bị, bộ phận có linh kiện điện tử khác với các loại trên (trừ bản mạch đã loại bỏ các linh kiện là CTNH)	15 02 14	30
5	Dầu nhiên liệu và dầu diesel thải	17 06 01	100
6	Bao bì nhựa cứng thải	18 01 03	150
7	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	500
8	Bao bì (cứng, mềm) thải chứa hoá chất nông nghiệp có gốc halogen hữu cơ (bình xịt các loại, chai lọ đựng chất tẩy rửa, bao bì đựng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật...)	14 01 08	20
Tổng			1.000

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh: chất thải sinh hoạt từ hoạt động của nhân viên, du khách; từ hoạt động nấu nướng từ nhà hàng; bùn thải từ HTXLNT với khối lượng phát sinh như sau:

TT	Tên chất thải	Số lượng (kg/tháng)
1	Rác thải sinh hoạt	2.100 -3.000
2	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	816
Tổng cộng		2.916 – 3.816

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH)

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

Bố trí các thùng chuyên dụng, có nắp đậy.

2.1.2. Kho lưu chứa chất thải

- Diện tích khu vực kho chứa chất thải: 14 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa chất thải: Có mái che, có tường bao quanh, có cửa đóng mở, sàn được tráng bê tông, xây các rãnh nước quanh khu vực lưu trữ, có gờ chống tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn. Có biển cảnh báo khu vực lưu trữ CTNH, được dán mã CTNH đối với từng loại chất CTNH. Có trang bị bình PCCC, có trang bị vật liệu hấp thụ (như cát khô) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn CTNH ở thể lỏng.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa

Bố trí các thùng chứa bao gồm 03 loại thùng chứa có nắp đậy thu gom rác theo các màu sắc khác nhau và có ghi loại rác thu gom bao gồm: CTR có khả năng tái sử dụng, tái chế; Chất thải thực phẩm; CTR sinh hoạt khác có nắp đậy.

2.3.2. Khu vực lưu chứa

- Khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt: 14 m² được xây dựng tường kín có cửa ra vào, nền ốp gạch, có mái che, tường bao quanh.

- Đối với bùn thải: Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải → Bể chứa bùn → Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Bùn thải phát sinh từ phát sinh hầm tự hoại, bùn nạo vét cống rãnh được thu gom và chuyển giao cho đơn vị có chức năng, xử lý đúng theo quy định không lưu chứa tại cơ sở.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố theo quy định pháp luật.

- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu theo đúng quy định.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

PHỤ LỤC 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-STNMT ngày ... tháng ... năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Tiếp tục triển khai xây dựng các hạng mục còn lại theo Quyết định số 786/QĐ-UBND ngày 20/4/2015 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Xây dựng kế hoạch, lộ trình giảm thiểu chất thải nhựa theo quy định của Chính phủ và địa phương; tuân thủ quy định tại khoản 4 Điều 64 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Thực hiện trách nhiệm của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 53 của Luật Bảo vệ môi trường; có trách nhiệm thực hiện kinh tế tuần hoàn theo quy định.

6. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình triển khai thực hiện dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

7. Trước khi hết hạn giấy phép môi trường 06 tháng, gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.